TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 937/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Minh T, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 86 Đường L, ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 86 Đường L, ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 23/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Minh T trình bày:

Ông và bà Lâm Thị N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2008, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 31/3/2008. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì ông và bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, ông và bà N không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị N.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 27/9/2008 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 29/4/2011. Hiện nay, trẻ K và trẻ N đang sống

chung với ông nên ông yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Dương Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Dương Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh (bản sao), căn cước công dân của ông T (bản sao), căn cước công dân bà N (bản phô tô).

Bà Lâm Thị N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Dương Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Lâm Thị N và yêu cầu nuôi 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn bà Lâm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Minh T và bà Lâm Thị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 31/3/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông Dương Minh T xin ly hôn với bà Lâm Thị N là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông T thì mâu thuẫn giữa ông và bà N là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình không hạnh phúc. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà N không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ bà N không có thiện chí để đoàn tụ gia đình.

Bà Lâm Thị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 27/9/2008 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 29/4/2011. Hiện nay, trẻ K và trẻ N đang sống chung với ông T, trẻ K và trẻ N có nguyện vọng sống chung với ông T nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Bà N được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do bà Lâm Thị N vắng mặt tại phiên tòa nên bà N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc ông Dương Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Minh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Minh T được ly hôn với bà Lâm Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 31/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Dương Minh T được và bà Lâm Thị N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 27/9/2008 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 29/4/2011 cho ông Dương Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa

thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Bà Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Nếu bà Lâm Thị N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) buộc ông Dương Minh T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015978 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Thanh Thà